TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 29- 01 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn*:* Anh Trần Văn V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng*:* Ông Trần Văn Q, sinh năm 1940. Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Ông Bùi Quang T, sinh năm 1953 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1956.

Đều trú tại: Thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Chị K có mặt, anh V đề nghị xét xử vắng mặt, ông Q, ông T và bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Bùi Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn V trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 11/9/2000. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ chồng được 4 năm thì làm nhà ra chỗ khác để ở, chị làm công ty còn anh V lao động tự do. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V sống thiếu trách nhiệm tới gia đình, thường hay uống rượu say khi chị tham gia anh V

còn xúc phạm tới chị, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02/2017 cho tới nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn V.

Về con chung: Vợ chồng có ba con là Trần Thị V, sinh ngày 03-6-2001; Trần Thị Thùy L, sinh ngày 17-11-2004 và Trần Thùy T, sinh ngày 20-01-2016; cả ba con đều đang ở với chị, con Trần Thị V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng con Thị Thùy L và Trần Thùy T và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty SEESVina tại huyện Tứ Kỳ thu nhập bình quân hàng tháng của khoảng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Trần Văn V là bị đơn trình bày: Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị K trình bày. Do anh lao động tự do nên khi giao lưu thường hay uống rượu về nhà chị K có nói nên anh đã xúc phạm tới chị, chị K đã về nhà bố mẹ ở từ tháng 02 năm 2017 cho tới nay. Nay chị K xin ly hôn với anh, anh mong muốn chị K rút đơn để vợ chồng nuôi dạy các con, nhưng chị K vẫn cương quyết xin ly hôn với anh, anh nhất trí ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh xác định có ba con như chị K trình bày là đúng, con Trần Thị V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nguyện vọng của con Trần Thị Thùy L và Trần Thùy T muốn được ở với chị K và chị K cũng muốn nuôi hai con nên anh đồng ý để chị được tiếp tục nuôi hai con, chị K không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con anh nhất trí.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh V, chị K. Tại biên bản xác minh ngày 13-01-2021, đại diện lãnh đạo xã V, đại diện Hội phụ nữ xã, Công chức Tư pháp - hộ tịch xã và trưởng thôn L, xã V xác định: Anh V không chịu khó làm ăn, nên kinh tế gặp khó khăn, chị K đã về nhà bố mẹ ở từ tháng 02 năm 2017 cho tới nay, anh chị đã ly thân nhau.

Ông Trần Văn Q là bố đẻ của anh V trình bày: Trong cuộc sống, anh V và chị K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là anh V sống không năng động, đôi khi còn xúc phạm tới chị K, gia đình ông cũng đã tham gia nhiều lần nhưng anh V vẫn không thay đổi tính nết, chị K về chung sống với bố mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2017 và đã sống ly thân với nhau. Nay chị K xin ly hôn với anh V, quan điểm của ông mong muốn anh, chị đoàn tụ với nhau còn chị K cứ cương quyết xin ly hôn với anh V, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Vợ chồng có ba con chung nếu ly hôn ông đề nghị Tòa án giao các con cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Bùi Quang T và bà Hoàng Thị C là mẹ đẻ của chị K trình bày: Do anh V

sống thiếu trách nhiệm với vợ con, thường hay uống rượu say, xúc phạm tới chị K, nên tháng 02/2017 chị K đã cho ba con của anh chị đó về chung sống với gia đình ông bà, vì thương con thương cháu nên ông bà đã làm nhà và công phụ trên đất của ông bà để cho chị K cùng các con ở.

Con Trần Thị Thùy L nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị K.

Tòa án đã tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh V đề nghị xin vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được

Tại phiên tòa: Chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh V và đề nghị được tiếp tục nuôi con Trần Thị Thùy L và Trần Thùy T và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho con. Anh V xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều: 70, 71 BLTTDS; bị đơn chấp hành chưa đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị K về xin ly hôn anh Trần Văn V; về con chung: Xử giao cho chị K trực tiếp con Trần Thị Thùy L, sinh ngày 17-11-2004 và Trần Thùy T, sinh ngày 20-01-2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K anh V không phải cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị K và anh Trần Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 11/9/2000. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V

sống không có trách nhiệm với gia đình, chị K đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2017 đến nay, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Nay cả chị K và anh V đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh V thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị K được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba con là Trần Thị V, sinh ngày 03-6-2001; Trần Thị Thùy L, sinh ngày 17-11-2004 và Trần Thùy T, sinh ngày 20-01-2016, con Trần Thị V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn lại hai con đều đang ở với chị K. Anh V đồng ý để cho chị K được tiếp tục nuôi cả hai con, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con và tình trạng thực tế hiện nay của hai bên. Đại diện UBND xã V (Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình ở địa phương) cũng đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con để đảm bảo quyền lợi cho các con. Do đó, HĐXX thấy cần thiết giao con Trần Thị Thùy L và Trần Thùy T cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Chấp nhận sự tự nguyện của chị K anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị K, anh V đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị K, xử cho chị Bùi Thị K được ly hôn anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Bùi Thị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thị Thùy L, sinh ngày 17-11-2004 và Trần Thùy T, sinh ngày 20-01-2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị K phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn*

đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0009992 ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú